

Bản án số: **210/2024/DS-PT**  
Ngày: 27-11-2024  
V/v: Tranh chấp về thừa kế  
theo pháp luật”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Hòa

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Thanh Thái

Ông Lương Thanh Chín

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Lại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế theo pháp luật*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Trần Thị N- sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn** : 1/ Ông Nguyễn Văn B

2/ Bà Nguyễn Thị S— sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- 1/ Ông Nguyễn Thanh N1– sinh năm 1984;
- 2/ Bà Nguyễn Thị Bích V– sinh năm 1989;
- 3/ Bà Nguyễn Thị Bích L– sinh năm 1992;
- 4/ Bà Trần Thị N- sinh năm 1965;
- 5/ Bà Nguyễn Thị H– sinh năm 1986;
- 6/ Ông Trần X– sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

- 7/ Bà Nguyễn Thị T– sinh năm 1953

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh N1 bà Nguyễn Thị Bích V và bà Nguyễn Thị Bích L* Trần Thị Nsinh năm 1965.

*Người đại diện theo ủy quyền của Trần X*Bà Lê Thị Kim T1– sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S*Nguyễn Thị TNguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn B– sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích PNgười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh N1bà Nguyễn Thị Bích Vvà Nguyễn Thị Bích L

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/4/2023 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P ủy quyền cho bà Trần Thị N trình bày:*** Ông nội bà tên Nguyễn N2 sinh năm 1915 chết năm 1970 và bà N3 tên Lê Thị Đ– sinh năm 1920 chết năm 2019. Vợ chồng ông N2và bà Đcó 05 người con gồm: Nguyễn Thị Diệu H1– sinh năm 1949 chết ngày 26/10/1997 (có 02 con là Trần Xvà Nguyễn Thị Hbà Nguyễn Thị Tbà Nguyễn Thị Sông Nguyễn Văn Bông Nguyễn Văn Cchết ngày 29/02/2001 (có vợ là Trần Thị Ncó 04 con là: Tôi - Nguyễn Thị Bích PNguyễn Thanh N1Nguyễn Thị Bích Vvà Nguyễn Thị Bích LLúc còn sống, bà Lê Thị Đcó tài sản gồm: Thửa đất số 233, diện tích 756 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 03, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 658822 do Ủy ban nhân dân huyện Hcấp ngày 10/01/1994, tọa lạc tại Thôn F, xã H, huyện H, Bình Thuậnloại đất: đất lúa. Hiện ông Nguyễn

Văn Blà người quản lý và sử dụng thửa ruộng này. Diện tích 860 m<sup>2</sup> theo Sổ đăng ký ruộng đất ngày 17/5/1984, lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện H số thứ tự 81, số thửa 147, diện tích 1000m<sup>2</sup>, loại ruộng đất ĐM trích đo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 30/8/2013, Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 28/5/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H loại đất LNQ, tọa lạc tại thôn F, xã H, huyện H, Bình Thuận Đất này chưa được cấp quyền sử dụng đất, hiện trạng đất trống, bà Nguyễn Thị Slà người quản lý và sử dụng đất. Số tiền 7.689.000 đồng là kỷ phần thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn C giao cho bà Lê Thị Đ theo Bản án số 13/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, do bà Đ chết nên người tạm giữ số tiền này là ông Nguyễn Văn B Bà Nguyễn Thị Bích Pyêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các di sản trên như sau:

+ Chia cho bà Pông Nguyễn Thanh N1 và bà Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L được nhận 1/5 về mặt giá trị đối với quyền sử dụng đất của 02 thửa đất nêu trên là 80.000.000 đồng và 1/5 của số tiền 7.689.000 đồng là 1.537.800 đồng. Bà Nguyễn Thị Bích Plà người đại diện nhận 1/5 phần di sản thừa kế của cha bà Plà ông Nguyễn Văn C đối với di sản của bà Lê Thị Đ Tôi yêu cầu nhận đất chứ không nhận tiền.

+ Chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị Đ gồm: Bà Nguyễn Thị T Nguyễn Thị Sông Nguyễn Văn B mỗi người nhận 1/5 về mặt giá trị đối với quyền sử dụng đất của 02 thửa đất nêu trên là 80.000.000 đồng và 1/5 của số tiền 7.689.000 đồng là 1.537.800 đồng

+ Chia có ông Trần X và bà Nguyễn Thị H cùng nhận 1/5 về mặt giá trị đối với quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên là 80.000.000 đồng và 1/5 số tiền của 7.689.000 đồng.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Strình bày:** Ông là con ruột của ông Nguyễn N2 và bà Lê Thị Đ Bà Lê Thị Đ chết không để lại di chúc. Tài sản cha mẹ ông để lại sau khi chết là Diện tích 860 m<sup>2</sup> theo Sổ đăng ký ruộng đất ngày 17/5/1984, lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện H số thứ tự 81, số thửa 147, diện tích 1000m<sup>2</sup>, loại ruộng đất ĐM trích đo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 30/8/2013 và Thửa đất số 233, diện tích 756m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 03, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 658822 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 10/01/1994, tọa lạc tại thôn F, xã H, huyện H, Bình Thuận Các tài sản trên hiện tại ông đang quản lý và sử dụng, ông đề nghị trích

công sức giữ gìn cho ông là 01 suất thừa kế. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với những thửa đất trên và số tiền 7.689.000 đồng cho các thừa kế, ông không đồng ý giao đất cho bà Trần Thị Nvì trong đó bà Nguyễn Thị TNguyễn Thị SNguyễn Thị Hgiao phần thừa kế của họ được hưởng cho ông, ông đồng ý trả lại giá trị di sản cho các thừa kế khác là: Bà Nguyễn Thị Bích PÔng Nguyễn Thanh N1Bà Nguyễn Thị Bích VBà Nguyễn Thị Bích Lvà ông Trần X

**Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tbà Nguyễn Thị SNguyễn Thị Htrình bày:** Về quan hệ gia đình và di sản của bà Lê Thị Đđề lại như phần trình bày của ông Nguyễn Văn Blà đúng. Khi giải quyết chia thừa kế, tất cả 03 bà xin nhận di sản bằng hiện vật và nhường phần của 03 bà cho ông Nguyễn Văn Bđược sở hữu mà không yêu cầu chia thừa kế cho các bà.

**Bà Lê Thị Kim T1là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Xtrình bày:** Thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, bà yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Lê Thị Đcho ông Trần Xđược nhận bằng hiện vật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc quyết định:*

1/ Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 620, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, khoản 7 Điều 166, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P

- Xác định di sản thừa kế của bà Lê Thị Đ(Lời) chết để lại là: Thửa đất số 233 diện tích 756m<sup>2</sup> đo đạc hiện trạng là 801,8m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 658822 do Ủy ban nhân dân huyện Hcấp ngày 10/01/1994 trị giá 240.540.000 đồng; Diện tích 870,8m<sup>2</sup> theo Sổ đăng ký ruộng đất ngày 17/5/1984, lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện Hchưa được cấp quyền sử dụng đất trị giá 304.780.000 đồng và số tiền 7.689.000 đồng do ông Nguyễn Văn Bđang giữ.

-Xác định người kế của bà Lê Thị L1(Đtheo pháp luật gồm: bà Nguyễn Thị Diệu H1đã chết, bà Nguyễn Thị Tbà Nguyễn Thị Sông Nguyễn Văn Bông Nguyễn Văn Cđã chết là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất có quyền ngang nhau

đối với di sản của bà Lê Thị L1(Đề lại. Xác định người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Diệu H1là: Trần XNguyễn Thị Hvà của ông Nguyễn Văn Clà: Nguyễn Thị Bích PNguyễn Thanh N1Nguyễn Thị Bích Vvà Nguyễn Thị Bích L

- Giao cho ông Nguyễn Văn Bthừa đất số 233 diện tích 756m<sup>2</sup> đo đạc hiện trạng là 801,8m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 658822 do Ủy ban nhân dân huyện Hcấp ngày 10/01/1994 trị giá 240.540.000 đồng; Diện tích 870,8m<sup>2</sup> theo Sổ đăng ký ruộng đất ngày 17/5/1984, lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện Hchưa được cấp quyền sử dụng đất trị giá 304.780.000 đồng tọa lạc tại thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận(Trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo) và số tiền 7.689.000 đồng ông Bđang giữ. Buộc ông Nguyễn Văn Bcó nghĩa vụ hoàn tiền chia di sản thừa kế cho những người sau:

- Trả cho ông Trần Xsố tiền 49.847.700đ (bốn mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn bảy trăm đồng).

- Trả cho Nguyễn Thị Bích PNguyễn Thanh N1Nguyễn Thị Bích Vvà Nguyễn Thị Bích Lmỗi người 24.923.850đ (hai mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Ông Nguyễn Văn Bcó nghĩa vụ đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai.

*“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 09/8/2024, bà Nguyễn Thị Bích Plà nguyên đơn; ông Nguyễn Thanh N1bà Nguyễn Thị Bích Vvà Nguyễn Thị Bích Lngười có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do bà Trần Thị Nđại diện theo ủy quyền kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho những người trên được nhận phần di sản bằng hiện vật và không đồng ý đối với bản án sơ thẩm về việc trích 10% giá trị tính công sức gìn giữ, bảo quản cho ông Nguyễn Văn B

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với việc không đồng ý trích 10% giá trị tính công sức giữ gìn, bảo quản di sản cho ông Nguyễn Văn B Đối với yêu cầu chia bằng hiện vật nếu theo quy định diện tích đất không đủ điều kiện tách thửa thì yêu cầu được nhận bằng giá trị bằng tiền.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Cụ Lê Thị Đchết năm 2019, trong thời gian quản lý di sản thì ông Nguyễn Văn Bđược hưởng lợi nhuận phát sinh nên việc cấp sơ thẩm trích 10% trị giá di sản để tính công sức giữ gìn di sản cho ông B là chưa phù hợp nên chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Riêng đối với yêu cầu chia bằng hiện vật do diện tích không đảm bảo điều kiện tách thửa theo quy định nên không chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa án sơ thẩm theo hướng đã phân tích trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Plà nguyên đơn; ông Nguyễn Thanh N1bà Nguyễn Thị Bích Vbà Nguyễn Thị Bích Llà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do bà Trần Thị Nđại diện theo ủy quyền làm trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi của bản án sơ thẩm, nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đưa đầy đủ những người tham gia tố tụng. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chia di sản thừa kế cho các thừa kế bằng hiện vật và không tính công sức giữ gìn, quản lý cho ông Nguyễn Văn B Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế, di sản thừa kế các bên đều thống nhất và việc cấp sơ thẩm xác định là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.2] Về di sản thừa kế: Cả nguyên đơn và bị đơn cũng như những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định di sản mà bà Lê Thị Đễ để lại gồm: Thửa đất số 233 diện tích 756m<sup>2</sup> đo đạc hiện trạng là 801,8m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 658822 do Ủy ban nhân dân huyện Hcấp ngày 10/01/1994 trị giá 240.540.000 đồng; Thửa đất số 81, diện tích 870,8 m<sup>2</sup> theo Sổ đăng ký ruộng đất ngày 17/5/1984, lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện Hchura được cấp quyền sử dụng đất trị giá 304.780.000 đồng và số tiền 7.689.000 đồng (di sản thừa kế của bà Đhưởng từ ông Cdo ông Nguyễn Văn Bđang giữ là tài sản chung hợp pháp của bà Lê Thị Đễ chết để lại nên là di sản thừa kế. Tổng trị giá di sản của cụ Lê Thị Đ là 553.009.000 đồng.

[2.3] Về tính công sức giữ gìn di sản:

Bà Trần Thị Ncho rằng thửa đất số 233 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 658822 do Ủy ban nhân dân huyện Hcấp ngày 10/01/1994; đất này do Hợp tác xã cấp trước đây bà Lê Thị Đở chung với vợ chồng bà nên phần diện tích đất này là do vợ chồng canh tác và sử dụng. Đến năm 2001 chồng bà là ông Nguyễn Văn Cchết, năm 2007 ông Nguyễn Văn Bđón bà Lê Thị Đvề ở chung nên ông Byêu cầu giao phần đất này lại để ông Bcanh tác nuôi bà ĐĐôi với thửa đất số 81, diện tích 870,8 m<sup>2</sup> theo Sổ đăng ký ruộng đất ngày 17/5/1984, lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện H. Nguồn gốc trước đây là do vợ chồng bà sống chung với bà Lê Thị Đkhai hoang nhưng sau đó xảy ra tranh chấp nên căn cứ vào Bản án số 58/2015/DS-ST ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thì năm 2015 mới giao diện tích đất này cho bà Lê Thị Đ

Mặt khác, cụ Lê Thị Đchết ngày 28/8/2019 đến tháng 3/2023 thì nguyên đơn khởi kiện, do đó thời gian ông Nguyễn Văn Bquản lý di sản từ thời điểm cụ Đchết là hơn 03 năm và trong quá trình quản lý di sản thì ông Nguyễn Văn B không tôn tạo, không bỏ công sức để cải tạo gì đối với diện tích đất nêu trên. Mặt khác, ông

Nguyễn Văn B cạnh tác, sử dụng và hoa lợi phát sinh do ông Nguyễn Văn B thụ hưởng. Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn B có công sức giữ gìn, bảo quản đối với di sản và trích 10% trị giá di sản (10% của 545.320.000) cho ông Nguyễn Văn B là chưa bảo đảm nên kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Xác định hàng thừa kế: Ông Nguyễn N2 và bà Lê Thị Đ (Lời) sống với nhau có 05 người con gồm: Nguyễn Thị Diệu H1 – sinh năm 1949 chết ngày 26/10/1997 (có 02 con là Trần X và Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị S ông Nguyễn Văn B ông Nguyễn Văn C chết ngày 29/02/2001 (có 04 con là: Nguyễn Thị Bích P Nguyễn Thanh N1 Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L

[2.5] Về cách chia di sản: Các đương sự thống nhất yêu cầu chia di sản của cụ Lê Thị Đ, nhưng không thống nhất với nhau về cách chia cũng như công sức đóng góp trong việc duy trì, phát triển tài sản và cách thức phân chia. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy về nguyên tắc tài sản thừa kế được phân chia đều cho những người được hưởng thừa kế theo pháp luật, di sản của cụ Đ cho 05 người gồm: Nguyễn Thị Diệu H1, bà Nguyễn Thị T bà Nguyễn Thị Sông Nguyễn Văn B ông Nguyễn Văn C mỗi người được hưởng di sản trị giá  $\frac{1}{5}$  tổng trị giá di sản  $\frac{1}{5} \times 553.009.000 \text{ đồng} = 110.601.800 \text{ đồng}$

[3] Bà Nguyễn Thị Diệu H1 đã chết có 02 người con gồm: Trần X và Nguyễn Thị H thừa kế thế vị di sản được chia 110.601.800 đồng nên ông Trần X và Nguyễn Thị H mỗi người được hưởng giá trị di sản là 55.300.900 đồng.

[4] Ông Nguyễn Văn C đã chết có 04 con là Nguyễn Thị Bích P Nguyễn Thanh N1 Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L thừa kế thế vị di sản được chia 110.601.800 đồng nên Nguyễn Thị Bích P Nguyễn Thanh N1 Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L mỗi người được hưởng giá trị di sản là **27.650.450 đồng**.

[5] Bà Nguyễn Thị T bà Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị H xin nhận di sản bằng hiện vật và nhường phần của 03 bà cho ông Nguyễn Văn B được sở hữu thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc nhường phần di sản được nhận của 03 bà không nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình đối với người khác phù hợp với Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa chấp nhận giao phần thừa kế của 03 bà cho ông Nguyễn Văn B Như vậy, ông Nguyễn Văn B được hưởng 387.106.300 đồng.

[6] Chia di sản thừa kế cho các thừa kế bằng hiện vật: Bà Nguyễn Thị Bích Pyêu cầu tách thửa đất có diện tích 870,8m<sup>2</sup> nhận di sản thừa kế bằng hiện vật Hội

đồng xét xử thấy rằng: Diện tích 870,8m<sup>2</sup> chia cho 05 người thì mỗi người hưởng 174,16m<sup>2</sup> là không đảm bảo quy định về diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định tại Điều 146 Luật Đất đai năm 2024 và Quyết định số: 21/2021/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh B về quy định điều kiện tách thửa, điều kiện hợp thửa và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo yêu cầu được nhận bằng giá trị vì không đảm bảo diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định.

Ông Nguyễn Văn B đã sử dụng 02 thửa đất trên từ trước đến nay và được nhận phần thừa kế của bà Nguyễn Thị T bà Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị H nên giao 02 thửa đất trên và số tiền 7.689.000 đồng cho ông B ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ hoàn tiền chia thừa kế cho các đồng thừa kế khác là phù hợp.

[7] Từ phân tích trên, việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là có cơ sở. Tuy nhiên, việc trích công sức giữ gìn di sản của cấp sơ thẩm chưa phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm như đã phân tích ở trên.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận và sửa án sơ thẩm.

[9] Về án phí:

[9.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên án phí được tính lại cho phù hợp.

[9.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[10] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, theo yêu cầu của đương sự về đo đạc; thẩm định, định giá tài sản, các bên đương sự đã nộp chi phí giám định, định giá, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đồng ý với chi phí giám định, định giá không có ý kiến gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ:** Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Pông Nguyễn Thanh N1bà Nguyễn Thị Bích Vbà Nguyễn Thị Bích L Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

**2. Áp dụng:** Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 620, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 4, khoản 7 Điều 166, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai;

- Điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

**3. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P

[3.1] Xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị Đ(Lê Thị L1gồm: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955; ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956, Trần X, sinh năm 1981; Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; và của ông Nguyễn Văn Clà: Nguyễn Thị Bích PNguyễn Thanh N1Nguyễn Thị Bích Vvà Nguyễn Thị Bích L

[3.2] Xác định quyền sử dụng bà Lê Thị Đ(Lời) chết để lại là: Thừa đất số 233 diện tích 756m<sup>2</sup> đo đạc hiện trạng là 801,8m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 658822 do Ủy ban nhân dân huyện Hcấp ngày 10/01/1994 trị giá 240.540.000 đồng; Diện tích 870,8 m<sup>2</sup> theo Sổ đăng ký ruộng đất ngày 17/5/1984, lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện Hchưa được cấp quyền sử dụng đất (có sơ đồ kèm theo) trị giá 304.780.000 đồng và số tiền 7.689.000 đồng, là di sản của cụ Lê Thị Đ

[3.3] Chia bằng tiền: Nguyễn Thị Diệu H1bà Nguyễn Thị Tbà Nguyễn Thị Sông Nguyễn Văn Bông Nguyễn Văn Cmỗi người được hưởng di sản trị giá 1/5 tổng trị giá di sản 1/5 x 553.009.000 đồng = 110.601.800 (Một trăm mười triệu sáu trăm lẻ một ngàn tám trăm đồng) đồng.

Nguyễn Thị Diệu H1chết Trần Xvà Nguyễn Thị Hthừa kế thế vị nên ông Trần Xvà Nguyễn Thị Hmỗi người được hưởng giá trị di sản là 55.300.900 đồng.

Ông Nguyễn Văn C đã chết có 04 con là Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L thừa kế thế vị nên Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L mỗi người được hưởng giá trị di sản là 27.650.450 đồng.

Bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị H xin nhận di sản bằng hiện vật và nhường phần của 03 bà cho ông Nguyễn Văn B được sở hữu ông Nguyễn Văn B được hưởng 387.106.300 đồng.

[3.4] Chia bằng hiện vật:

Giao cho ông Nguyễn Văn B thừa đất số 233 diện tích 756m<sup>2</sup> đo đạc hiện trạng là 801,8m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 658822 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 10/01/1994 trị giá 240.540.000đ; Diện tích 870,8m<sup>2</sup> theo Sổ đăng ký ruộng đất ngày 17/5/1984, lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện H chưa được cấp quyền sử dụng đất trị giá 304.780.000 tọa lạc tại thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (*Trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo*) và số tiền 7.689.000 đồng ông B đang giữ.

Ông Nguyễn Văn B có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[3.5] Buộc ông Nguyễn Văn B hoàn trả cho ông Trần X số tiền là 55.300.900 (*Năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn chín trăm đồng*) đồng và hoàn trả cho Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L mỗi người là **27.650.450 đồng** (*Hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn bốn trăm năm mươi đồng*) trị giá chênh lệch tài sản được hưởng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**4. Về án phí và chi phí tố tụng:**

**4.1 Án phí dân sự sơ thẩm.**

- Ông Nguyễn Văn B – sinh năm 1956 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu 1.382.500đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.038.000đồng theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014636 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền chênh lệch 655.500 đồng.

- Nguyễn Thanh N1 Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L mỗi người phải chịu 1.382.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần X phải chịu 2.765.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T bà Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*4.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:* Kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 300.000 đồng, do bà P nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013776 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 300.000 đồng, do bà L nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013768 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 300.000 đồng, do bà V nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013765 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh N1 số tiền 300.000 đồng, do ông N1 nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013767 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền 300.000 đồng, do bà N nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013631 ngày 13/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

*4.3 Về chi phí tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị Bích P ông Nguyễn Thanh N1 Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L mỗi người phải chịu 370.950 đồng; ông Trần X phải chịu phải chịu 741.900 đồng và ông Nguyễn Văn B phải chịu 5.193.300 đồng chi phí tố tụng sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Bích P đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án số tiền 7.419.000 đồng nên ông Nguyễn Thanh N1 Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Thị Bích L mỗi người phải hoàn trả cho bà P số tiền 370.950 đồng (*Ba trăm bảy mươi ngàn chín trăm năm mươi đồng*); ông Trần X phải hoàn trả cho bà P số tiền 741.900 đồng

(Bảy trăm bốn mươi một ngàn chín trăm đồng) và ông Nguyễn Văn Bphải hoàn trả cho bà Psố tiền 5.193.300 đồng (Năm triệu một trăm chín mươi ba ngàn ba trăm đồng)

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**5.** Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Thuận Bắc;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Vũ Thị Thanh Hòa**